

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 29-5-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng lao động
về bồi hoàn chi phí đào tạo

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung, bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-LĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng lao động về bồi hoàn chi phí đào tạo*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST –LĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST- LĐ ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trường đại học Tây Nguyên

Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: E L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Trần Minh T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Trần Minh T1, sinh ngày 17/10/1986 được tuyển dụng làm viên chức giảng dạy tại Khoa lý luận Chính trị trường Đại học T3 từ 01/3/2011. Tháng 3/2007, bà T1 được nhà trường cử đi học cao học hình thức tập trung theo quyết định số 1366/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 11/8/2015 của Hiệu trưởng cụ thể:

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, chuyên ngành Hồ Chí Minh học

Thời gian từ tháng 8/2015 đến 06/2017.

Địa điểm: Trường đại học K và nhân văn

Kinh phí: Ngân sách nhà nước.

Sau khi kết thúc khóa học, bà T1 không trở về trường công tác và tự ý nghỉ việc.

Ngày 13/8/2018 trường Đại học T3 đã ra quyết định số 1555/QĐ-ĐHTN – TCCB về việc đền bù phí đào tạo, bồi dưỡng với tổng số tiền 27.803.000 đồng. Thời gian bà T1 phải thực hiện bồi hoàn số tiền trên trước ngày 10/9/2018.

Nhà trường đã gửi Quyết định về việc bồi hoàn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của viên chức đối với nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cho bà T1. Tuy nhiên, bà T1 không thực hiện bồi hoàn theo quy định.

Việc bà T1 không bồi hoàn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đã xâm phạm đến quyền lợi của Nhà trường, quyền lợi của Nhà nước. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của Nhà trường, trường Đại học T3 làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải bồi hoàn kinh phí đào tạo với tổng số tiền 27.803.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Minh T1 vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Minh T1 có nghĩa vụ trả cho Trường đại học T3 số tiền 27.803.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Trường đại học T3 khởi kiện bà Trần Minh T1 có trách nhiệm trả khoản tiền kinh phí đào tạo, bị đơn cư trú tại địa chỉ phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng lao động về bồi hoàn kinh phí đào tạo*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Minh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Minh T1 được Trường đại học T3 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 450/HĐ-ĐHTN-TCCB ngày 24/3/2014 với nhiệm vụ Giảng viên thuộc Khoa lý luận chính trị.

Trong thời gian làm việc ngày 11/8/2015 Trường đại học T3 có quyết định số 1388/QĐ-ĐHTN-TCCB về việc cử viên chức đi học cao học tại trường Đại học K và nhân văn, với nguồn kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ của T2. Ngày 11/8/2015 bà Trần Minh T1 ký bản cam kết với Trường đại học T3 với nội dung “*Sau khi hoàn thành khóa học trở về T2 làm việc lâu dài, chấp hành sự*

phân công và điều động công việc của nhà Trường. Nếu không thực hiện đúng cam kết thì sẽ bồi hoàn chi phí đào tạo”

Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn cho rằng sau khi kết thúc khóa đào tạo bà Trần Minh T1 không trở về làm việc tại trường, Trường đại học T3 cũng đã thông báo cho bà T1 về việc giải quyết hợp đồng lao động nhưng bà T1 không hợp tác nên ngày 04/12/2018 Trường đại học T3 đã có quyết định số 2543/QĐ-ĐTNH-TCCB về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà T1. Do phía bà T1 chưa bồi hoàn kinh phí đào tạo nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí đào tạo với tổng số tiền 27.803.000 đồng. Trong đó gồm: Khoản tiền học phí là 10.050.000 đồng, khoản tiền hỗ trợ tàu, xe đi lại là 15.955.000 đồng, khoản tiền vượt giờ trong thời gian đi học là 1.798.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật viên chức quy định: viên chức được đơn vị sự nghiệp công lập cử đi đào tạo nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động làm việc hoặc tự ý bỏ việc phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

Phía nguyên đơn cung cấp được các tài liệu chứng minh thể hiện đã thanh toán cho bà Trần Minh T1 các khoản tiền học phí là 10.050.000 đồng, khoản tiền hỗ trợ tàu, xe đi lại là 15.955.000 đồng, khoản tiền vượt giờ trong thời gian đi học là 1.798.000 đồng trong thời gian bà T1 học tập tại trường Đại học K và nhân văn. Phía bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: 27.803.000 đồng x 5% = 1.390.000 đồng (làm tròn)

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 35 Luật viên chức năm 2010

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trường đại học T3

Buộc bà Trần Minh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Trường đại học T3 tổng số tiền 27.803.000 đồng (trong đó khoản tiền học phí là 10.050.000 đồng, khoản tiền hỗ trợ tàu, xe đi lại là 15.955.000 đồng, khoản tiền vượt giờ trong thời gian đi học là 1.798.000 đồng)

Kể từ ngày 30/5/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành

án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Bà Trần Minh T1 phải chịu 1.390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường đại học T3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại khoản tiền 695.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012534 ngày 10/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hoài Trang

